

Bản tin pháp lý

Tháng 4/2007

Nội dung

Luật chuyển giao công nghệ.....	2
Các lĩnh vực khác:.....	5
Tài chính	5
Ngân hàng	5
Chứng khoán.....	5
Bảo hiểm	6
Thương mại – Xuất nhập khẩu.....	6
Lao động	7
Y tế.....	7
Khoa học công nghệ.....	7
Môi trường.....	8
Văn bản khác.....	8
Địa chỉ liên hệ.....	9

Bản tin pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại www.vision-associates.com

© 2007. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Luật chuyển giao công nghệ

Các quy định mới về chuyển giao công nghệ

Hoàng Thế Thắng

Lần đầu tiên, khái niệm về “công nghệ cao”, “công nghệ mới” và “công nghệ tiên tiến” được ghi nhận.

Luật Chuyển giao công nghệ mới có quan điểm thông thoáng hơn trong việc xử lý các vấn đề về chuyển giao công nghệ. Với sự ra đời của Luật Chuyển giao công nghệ gồm bảy chương và 61 điều (“Luật”) được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2007 và thay thế Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 2 tháng 2 năm 2005 (“Nghị định 11”), hoạt động chuyển giao công nghệ sẽ được điều chỉnh bằng một văn bản pháp lý cao hơn và tạo ra sự thống nhất giữa các quy định về chuyển giao công nghệ và các quy phạm khác của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là Bộ luật Dân sự năm 2005.

Lần đầu tiên, khái niệm về “công nghệ cao”, “công nghệ mới” và “công nghệ tiên tiến” được ghi nhận, đóng vai trò là cơ sở để xác định các ưu đãi mà các bên có thể được hưởng trong hoạt động chuyển giao công nghệ. Ngoài ra, khái niệm “chuyển giao công nghệ” cũng được định nghĩa một cách khái quát hơn so với Nghị định 11. Cụ thể, Nghị định 11 định nghĩa chuyển giao công nghệ là “hình thức mua và bán công nghệ trên cơ sở Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được thỏa thuận phù hợp với các quy định của pháp luật”, trong khi đó theo Luật chuyển giao công nghệ mới khái niệm này được định nghĩa là việc “chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ”. Việc định nghĩa nhiều loại công nghệ khác nhau cũng như định nghĩa mở rộng “chuyển giao công nghệ” sẽ tạo ra cơ sở pháp lý cụ thể và rõ ràng hơn phục vụ cho việc xúc tiến hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam.

Hình thức của hợp đồng chuyển giao công nghệ

Theo Nghị định 11, tất cả các hoạt động chuyển giao công nghệ đều phải thực hiện thông qua hợp đồng bằng văn bản, trong khi đó theo Luật mới, các hình thức của hợp đồng đã được quy định rộng hơn. Hợp đồng chuyển giao công nghệ có thể là hợp đồng bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị tương đương văn bản, bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Các quy định mới này tạo điều kiện dễ dàng và thuận tiện hơn cho các bên khi thực hiện việc chuyển giao công nghệ.

Ngày có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ

Liên quan đến hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ, Nghị định 11 quy định nếu hợp đồng không thuộc diện quy định phải đăng ký thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng do các bên thỏa thuận. Nếu hợp đồng thuộc diện quy định phải đăng ký thì

thời điểm có hiệu lực của hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký. Tuy nhiên, các quy định về vấn đề này theo Luật mới được quy định một cách linh hoạt hơn so với Nghị định 11, cụ thể là các bên có thể thỏa thuận về ngày có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ trừ trường hợp các công nghệ được chuyển giao thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao mà hợp đồng chỉ có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó, Luật còn quy định trường hợp các bên không thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì thời điểm này sẽ là thời điểm bên sau cùng hoàn tất thủ tục ký hợp đồng.

Đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

Nghị định 11 yêu cầu mọi hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc các hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đều phải đăng ký và các hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước có giá trị dưới 500 triệu đồng được khuyến khích đăng ký để hưởng các chính sách ưu đãi về chuyển giao công nghệ. Trong khi đó theo Điều 25 của Luật mới, việc đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền trở thành quyền của các bên để được hưởng các ưu đãi theo quy định của luật và các văn bản thi hành.

Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 11 rất phức tạp, bao gồm đơn đề nghị đăng ký hợp đồng theo mẫu do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định, hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được các bên ký kết và đóng dấu có kèm theo các phụ lục (nếu có) có ký tắt của các Bên hoặc đóng dấu giáp lai của các bên vào tất cả các trang của hợp đồng và phụ lục và Bản tóm tắt về nội dung công nghệ được chuyển giao (hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án), các văn bản xác nhận tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp đồng (Giấy phép hoạt động) bao gồm tư cách pháp lý của người đại diện của các bên tham gia hợp đồng, văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam trong trường hợp có chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp đã được cấp văn bằng bảo hộ. Ngoài ra còn yêu cầu văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng do Chính phủ ban hành hoặc quyết định chấp thuận đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong trường hợp Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh. Trong trường hợp bên nhận chuyển giao công nghệ là doanh nghiệp có vốn Nhà nước và Điều lệ của Bên nhận quy định Hội đồng Quản trị phải nhất trí thông qua đối với kế hoạch thu, chi ngân sách hàng năm của Bên nhận thì phải có biên bản của Hội đồng Quản trị của Bên nhận nhất trí chấp thuận Hợp đồng chuyển giao công nghệ. Nếu công nghệ thuộc Danh mục các lĩnh vực công nghệ bắt buộc phải có chứng thư đánh giá, giám định thì phải nộp kèm chứng thư đánh giá, giám định.

Ngược lại, theo Luật mới, hồ sơ đăng ký đã được đơn giản hóa, chỉ bao gồm Đơn đề nghị đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và bản gốc hoặc bản sao của hợp đồng chuyển giao công nghệ. Ngoài ra, thời hạn bắt buộc các bên phải nộp hồ sơ xin đăng ký chuyển giao công nghệ trong 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng đã được bỏ.

Đối với việc chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao thì các bên thực hiện theo hai bước sau:

- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ bao gồm đơn đề nghị ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, văn bản về tư cách pháp lý của bên đề nghị và tài liệu giải trình về công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; và
- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao bao gồm đơn đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, văn bản về tư cách pháp lý của các bên trong hợp đồng chuyển giao công nghệ, bản gốc hoặc bản sao hợp đồng chuyển giao công nghệ và danh mục tài liệu công nghệ, thiết bị công nghệ (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Hơn nữa, các thủ tục đăng ký chuyển giao công nghệ cũng đã được rút ngắn. Theo Luật mới thì trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ, trong khi đó, theo Nghị định 11 thời hạn này là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cộng thêm 10 ngày trong trường hợp có yêu cầu về sửa đổi, bổ sung hồ sơ cần thiết để đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Liên quan đến chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, Luật cũng quy định các thủ tục riêng biệt để xin chấp thuận và xin cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

Thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ

Phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ, Luật đã bỏ giới hạn về thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ là bảy năm hoặc mười năm tùy từng trường hợp như quy định của Nghị định 11. Như vậy, hợp đồng chuyển giao công nghệ có thể có thời hạn trên 10 năm cũng như điều khoản về gia hạn hợp đồng.

Ngoài ra, Luật còn điều chỉnh các vấn đề về dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm môi giới chuyển giao công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ; đánh giá công nghệ, định giá công nghệ, giám định công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ và các biện pháp khuyến khích, thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Việc quy định các nội dung này là cần thiết không chỉ vì mục đích quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam mà còn thúc đẩy các hoạt động đó. Như vậy, với sự ra đời của Luật mới, chúng ta có thể hy vọng rằng việc chuyển giao các công nghệ hiện đại và hữu ích từ các nước phát triển vào Việt Nam sẽ được tiến hành một cách dễ dàng và thuận lợi hơn, để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ./.

Các lĩnh vực khác:

Tài chính

- Ngày 22/3/2007, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 18/2007/QĐ-BTC về việc in, phát hành, sử dụng và quản lý vé máy bay điện tử;
- Ngày 09/4/2007, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2007/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP, ngày 10/12/2003, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 và Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;
- Thông tư số 25/2007/TT-BTC ngày 02/04/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty Nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Thông tư số 24/2007/TT-BTC ngày 27/03/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quy chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Ngân hàng

- Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam;
- Quyết định số 15/2007/QĐ-NHNN ngày 11/04/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi Điểm 3 Phụ lục số 3 Quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong giao dịch thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 02/2006/QĐ-NHNN ngày 18/01/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- Thông tư số 36/2007/TT-BTC ngày 11/04/2007 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 88/2002/TT-BTC ngày 02/10/2002 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí cấp mã số mã vạch.

Chứng khoán

- Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán;
- Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Mẫu bản cáo bạch trong Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng

và Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán;

- Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán;
- Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 18/2007/TT-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mua, bán lại cổ phiếu và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng;
- Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

Bảo hiểm

- Ngày 27/3/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2007/NĐ-CP quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;
- Cùng ngày, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BYT-BTC ngày 30/3/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế tự nguyện.

Thương mại – Xuất nhập khẩu

- Ngày 06/4/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2007/NĐ-CP quy định về kinh doanh xăng dầu;
- Quyết định số 25/2007/QĐ-BTC ngày 16/04/2007 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2006/QĐ-BTC ngày 28/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN giai đoạn 2006-2013;
- Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày 04/04/2007 của Bộ Thương mại về việc hướng dẫn hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Lao động

- Luật số 84/2007/QH11 ngày 02/04/2007 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Bộ luật Lao động;
- Thông tư liên tịch số 01/TTLT-TLĐLĐVN-BLĐTBXH ngày 20/04/2007 của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 96/2006/NĐ-CP về Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời tại doanh nghiệp.

Y tế

- Quyết định số 03/2007/QĐ-BTS ngày 03/04/2007 của Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế đăng ký lưu hành thuốc thú y thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản;
- Ngày 29/3/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 43/2007/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án "Phát triển công nghiệp Dược và xây dựng mô hình hệ thống cung ứng thuốc của Việt Nam giai đoạn 2007-2015 và tầm nhìn đến năm 2020";
- Quyết định số 1120/QĐ-BYT ngày 27/03/2007 của Bộ Y tế về việc công bố 06 công ty nước ngoài được phép hoạt động trong lĩnh vực vắc xin, sinh phẩm y tế tại Việt Nam;
- Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 02/03/2007 của Bộ Y tế về việc công bố 04 công ty nước ngoài được phép hoạt động trong lĩnh vực vắc xin, sinh phẩm y tế tại Việt Nam;
- Quyết định số 674/QĐ-BYT ngày 26/02/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục vắc xin, sinh phẩm y tế và Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế được nhập khẩu theo nhu cầu theo mã số HS.

Khoa học công nghệ

- Ngày 10/4/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2007/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/04/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007 - 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghệ;

- Ngày 12/4/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010;
- Ngày 06/4/2007, Bộ Khoa học Công nghệ đã ra Thông tư số 09/2007/TT-BKH-CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 89/2006/NĐ-CP, ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Môi trường

- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn;
- Quyết định số 47/2007/QĐ-TTg ngày 06/04/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu giai đoạn 2007 - 2010.

Văn bản khác

- Pháp lệnh số 31/2007/PL-UBTVQH11 ngày 08/03/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính;
- Ngày 04/4/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2007/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;
- Quyết định số 05/2007/QĐ-BBCVT ngày 05/04/2007 của Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc ban hành Quy định về giải quyết khiếu nại và hướng dẫn giải quyết tranh chấp giữa người sử dụng dịch vụ với bên cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông và Internet.

Địa chỉ liên hệ

Trụ sở Hà Nội

Phạm Nghiêm Xuân Bắc

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Hải

Giám đốc Văn phòng Tư vấn

Lê Quỳnh Anh

Trưởng Văn phòng Luật

Lê Thị Kim Dung

Giám đốc Văn phòng Sở hữu Trí tuệ

Phòng 308-310, tầng 3, Tháp Hà Nội

49 phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-4 934-0629 / 826-4797 - Fax: 84-4 934-0631

E-mail: vision@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại TP HCM

Lưu Tiến Ngọc

Giám đốc Văn phòng TP HCM

Andrew Hilton

Luật sư Nước ngoài

Phòng 1801, tầng 18, Saigon Trade Centre

37 phố Tôn Đức Thắng, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-8 823-6495 - Fax: 84-8 823-6496

E-mail: hcmvision@hcm.vnn.vn

www.vision-associates.com